

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

A: 13
H: 8

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Minh Tâm

Cai

Nguyễn Bì Lân

Nguyễn Thị Phương Linh

Cai

Le Thi Hao

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170708	Nguyễn Thanh	An	10/07/2000	CCQ2217R	2116	An	7,2	An	6,8	7,0	6,3	6,7	Nợ học phí
2	2123200500	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	28/07/2005	CCQ2320F	2117	Anh	3,0	có thi	5,0	4,0	4,4	4,2	Nợ học phí
3	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	CCQ2303C	2118	Binh	6,6	Binh	6,0	6,3	6,2	6,3	
4	2123140055	Trần Quốc	Đạt	06/07/2005	CCQ2314B	2115	Đạt	6,0	Đạt	3,6	4,8	5,5	5,1	Nợ học phí
5	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A	2116	Đức	6,2	Đức	5,6	5,9	7,2	6,4	
6	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A							3,6		
7	2122120127	Đỗ Minh	Hậu	20/09/2004	CCQ2212D							0		Nợ học phí
8	2123030095	Châu Thành	Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C	2115	Hiệp	5,2	Hiệp	5,0	5,1	6,7	5,7	Nợ học phí
9	2123030119	Mai Trần Duy	Hiệu	26/05/2005	CCQ2303D	2116	Hiệu	6,3	Hiệu	3,7	5,0	6,5	5,6	
10	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	2117	Hoàng	5,1	Hoàng	6,8	6,0	8	6,8	
11	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D							0		Nợ học phí
12	2123120548	Nguyễn Trọng	Hưng	27/04/2005	CCQ2312I							0,3		Nợ học phí
13	2123170199	Nguyễn Văn	Hưng	06/06/2005	CCQ2317F							2,4		
14	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B	2117	Huy	6,8	Huy	8,2	5,0	5,1	5,5	
15	2123030127	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2005	CCQ2303D	2118	Huy	7,8	Huy	6,7	7,3	6,1	6,8	
16	2122030089	Phạm Gia	Huy	17/05/2004	CCQ2203C	2115	Huy	3,2	Huy	5,6	4,4	4,1	4,3	
17	2123220039	Phạm Văn	Huy	09/09/2005	CCQ2322B	2116	Huy	4,7			0	5	2,0	

(57)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C.Linh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Nguyễn Minh Đức

Cot Chua

Môn Viết
Nguyễn Đức Loan

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Phương Linh

Loi Thai

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	2117		7,4		8,5	8,0	3,3	6,1	
19	2123180036	Hồ Vĩnh	Khang	26/10/2005	CCQ2318B	2118		8,3		7,2	7,8	6,2	7,2	
20	2123300108	Lê Văn Tuấn	Khang	18/03/2005	CCQ2330C	2115		6,9		5,4	6,2	7	6,5	Nợ học phi
21	2122220027	Phạm Hồng	Lâm	17/01/2002	CCQ2212P							3,9		Nợ học phi
22	2123170110	Phạm Việt	Long	20/12/2003	CCQ2317D							4,4		
23	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A	2116		4,2		3,4	3,8	7,2	5,2	
24	2123270037	Nguyễn Văn	Minh	23/02/2003	CCQ2327B							0,7		Nợ học phi
25	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D							1,8		Nợ học phi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Đ: 13
H: 6

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 17

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Châu

N. Xuân

Nguyễn Đức Lâm

Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Thị Phương Linh

C. Linh
Lê Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200429	Lê Thị Thanh	Ngân	25/08/2005	CCQ2320E	2115	Ngân	3,8	Ngân	4,5	4,2	7	5,3	
2	2123200456	Trà Thị Bích	Ngọc	19/07/2003	CCQ2320E	2116	Bích	3,6	Bích	5,0	4,3	7,1	5,4	
3	2123270062	Trần Thị Yến	Nhi	20/02/2005	CCQ2327B	2117	Yến	4,4	Yến	6,2	5,3	4,9	5,1	Nợ học phí
4	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A	2118	Thành	5,1	Thành	7,0	6,1	4,7	5,5	
5	2123120537	Trần Huỳnh Trọng	Phúc	20/12/2005	CCQ2312I	2115	Trọng	6,0	Trọng	1,3	3,7	4,7	4,1	
6	2123120276	Trần Đăng	Quang	16/06/2004	CCQ2312E	2116	Quang	4,6	Quang	5,5	5,1	5,3	5,2	
7	2122110423	Hoàng Công	Son	05/09/2004	CCQ2211LA	2117	Hoàng		Hoàng			5,2		Nợ học phí
8	2121120634	Đoàn Trí	Tài	25/10/2001	CCQ2112I	2118	Trí	9,7	Trí	8,5	9,1	8	8,7	
9	2123140062	Nguyễn Đức	Thanh	10/11/2005	CCQ2314B	2115	Đức	4,8	Đức	3,6	4,2	6,7	5,2	
10	2123300107	Huỳnh Da	Thiên	10/03/2004	CCQ2330C	2116	Thiên	9,3	Thiên	5,2	7,3	5,5	6,6	
11	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	2117	Văn		Văn			5,5		
12	2122050006	Nguyễn Duy	Tiến	09/01/2003	CCQ2205A	2118	Duy	5,7	Duy	4,2	5,0	7,2	5,9	Nợ học phí
13	2123180031	Nguyễn Thành	Tinh	01/01/2005	CCQ2318A	2119	Thành		Thành			0		Nợ học phí
14	2123110343	Lương Trung	Tinh	28/07/2005	CCQ2322C	2116	Trung	6,4	Trung		0	4,8	1,9	
15	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	CCQ2317E	2117	Thanh	4,5	Thanh	6,0	2,3	5,5	3,6	
16	2123200200	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	10/03/2005	CCQ2320C	2118	Bảo	4,1	Trần	5,0	4,6	3,6	4,2	
17	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A	2115	Thùy	3,7	Thùy	5,9	4,8	5	4,9	

58

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

C.Linh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Ngọc Châu N Xhuit

Nguyễn B. L. L. L.

Nguyễn Thị Hương Giang

Nguyễn Thị Hương Giang

Loi Tho

Môn học: Anh văn 2 (22400403)

- Thi Viết:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/7/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123140017	Trần Hữu	Tri	19/12/2005	CCQ2314A	2116	Tri	3,8	Tri	3,4	3,6	7,3	5,1	
19	2123200399	Cao Hà Anh	Tú	25/02/2005	CCQ2320E	2117	Tú	9,1			0	4,9	2,0	
20	2123170350	Thái Anh	Tùng	13/10/2005	CCQ2317J							3,4		
21	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	CCQ2317E							0		
22	2123220026	Lê Quang	Vinh	14/04/2005	CCQ2322C							0,1		Nợ học phí
23	2123120250	Hà Thị Thảo	Vy	08/04/2005	CCQ2312E	2117	Vy	6,0	Vy	5,0	5,5	5,4	5,5	
24	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	2118	Xuân	6,6	Xuân	6,7	6,7	7,6	7,1	
25	2123100109	Phạm Thị Như	Yến	12/08/2005	CCQ2310D	2115	Yến	8,2	Yến	4,2	6,2	5	5,7	